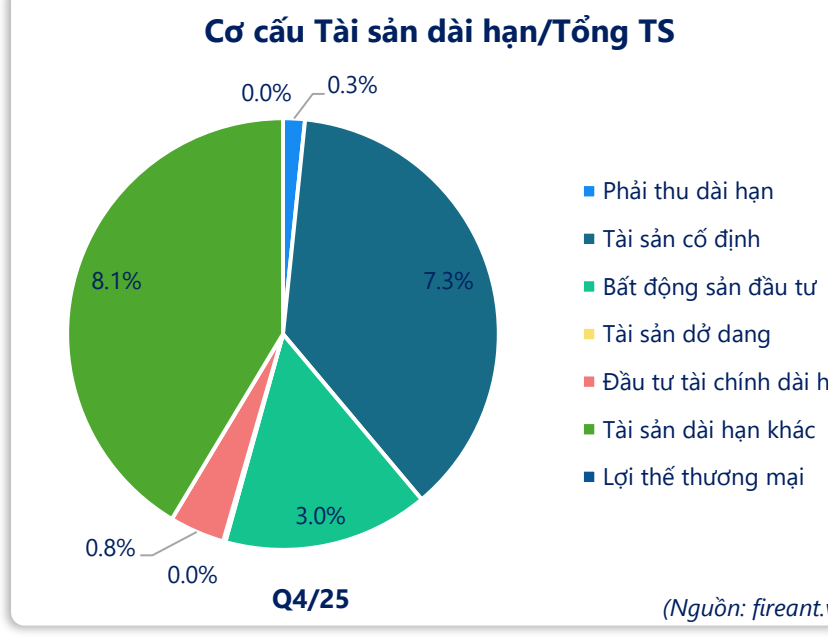
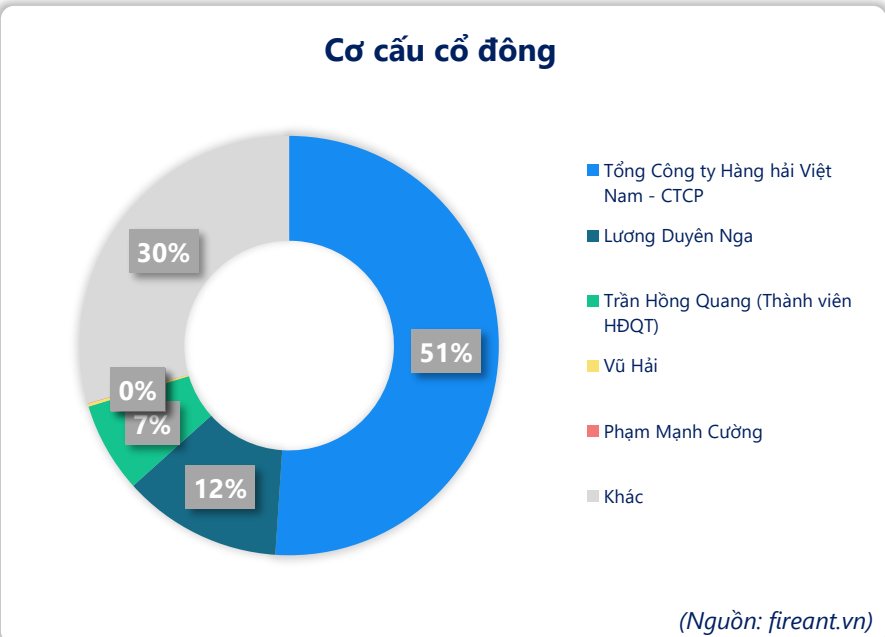
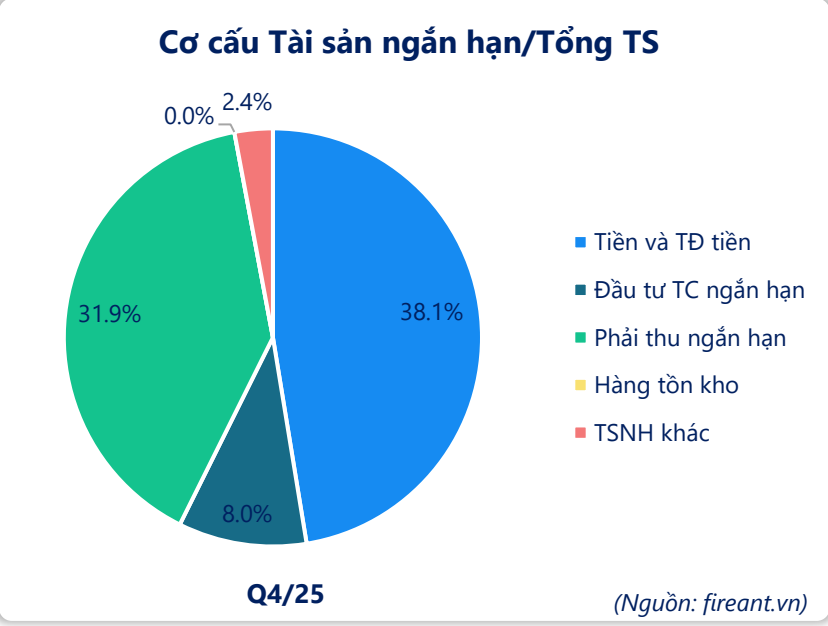
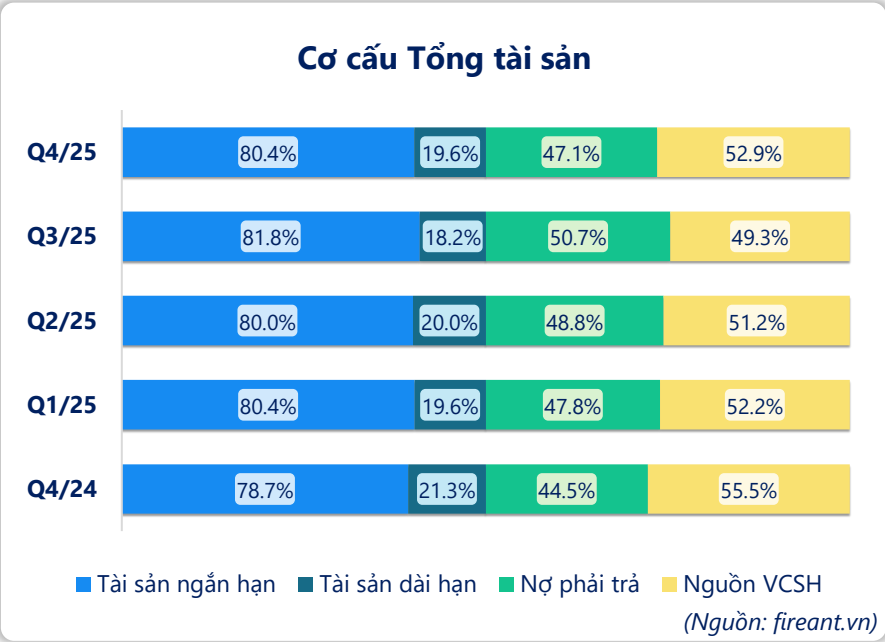
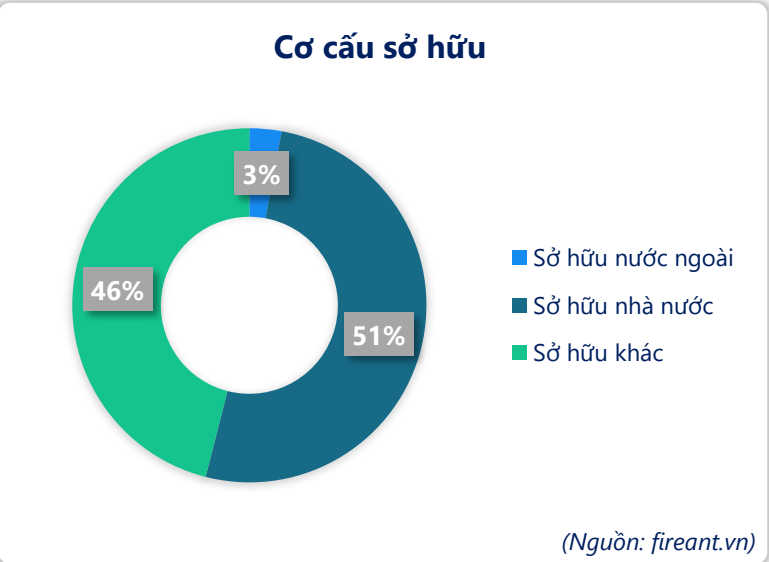
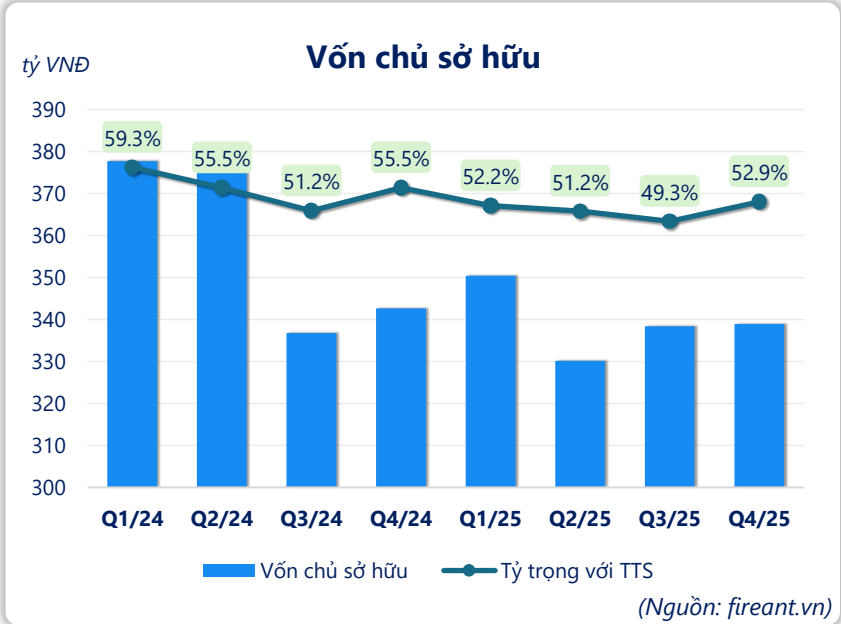
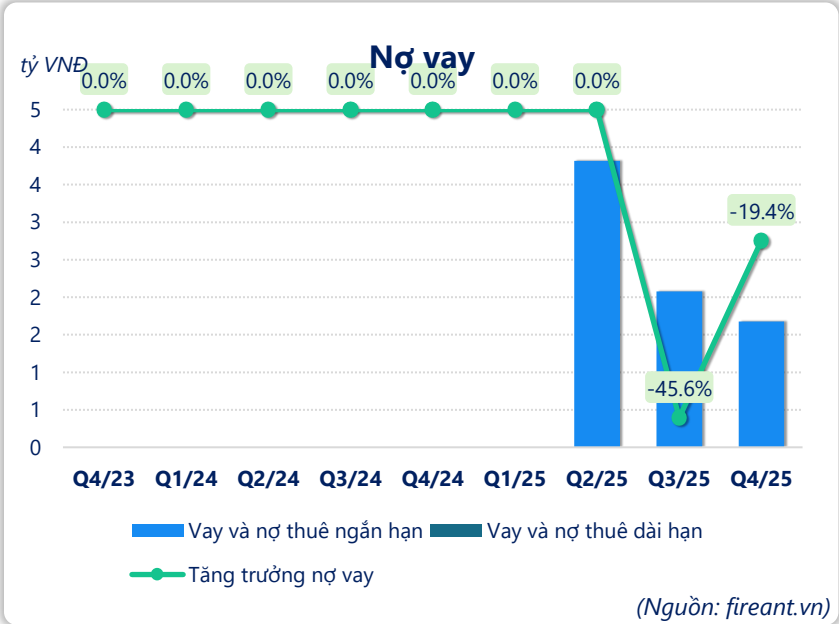
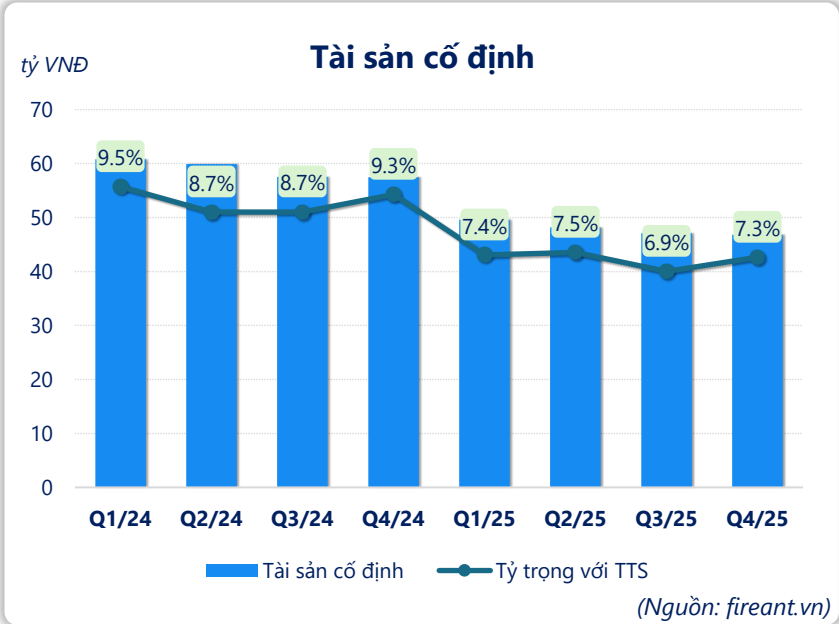
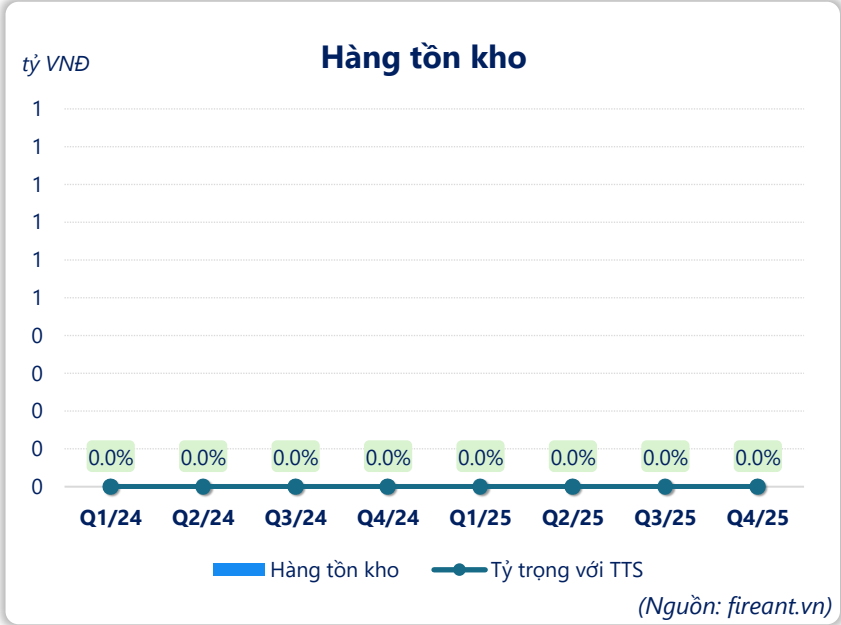
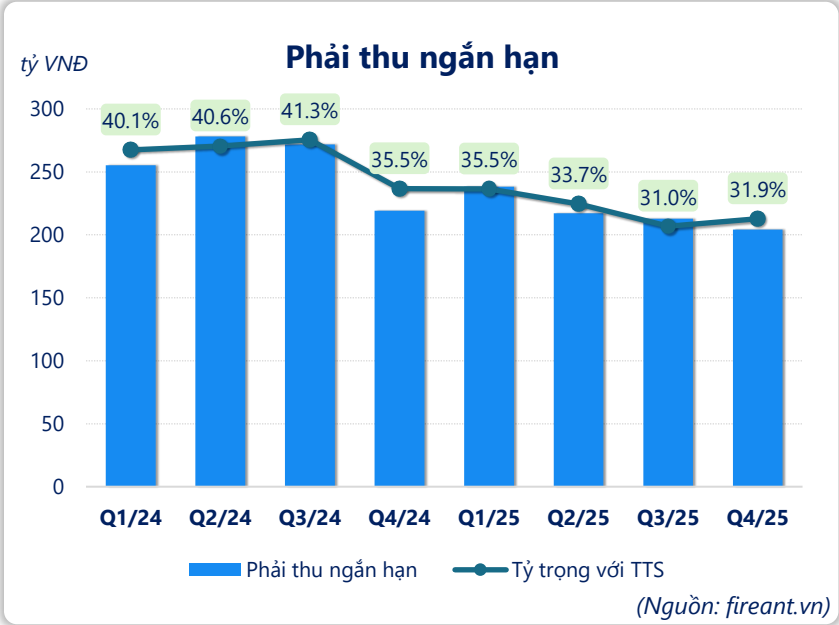
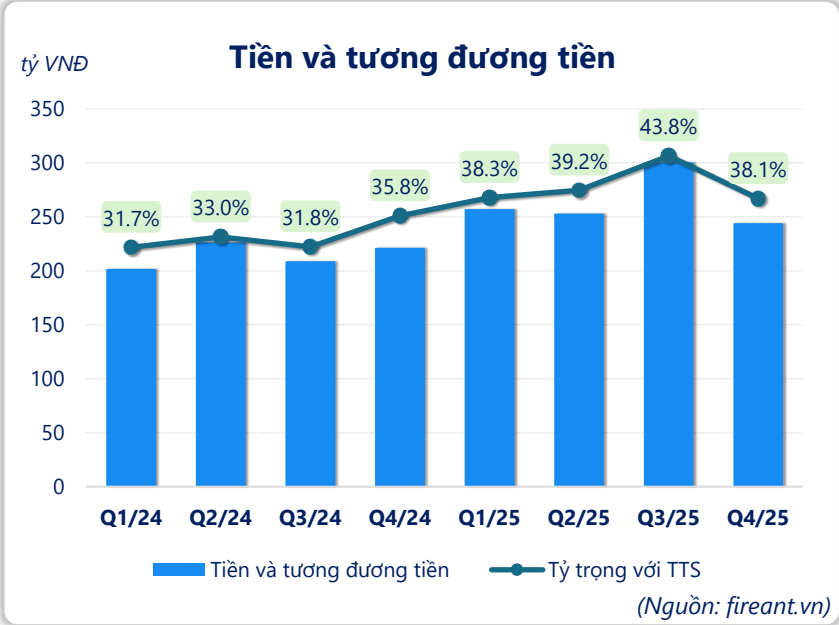
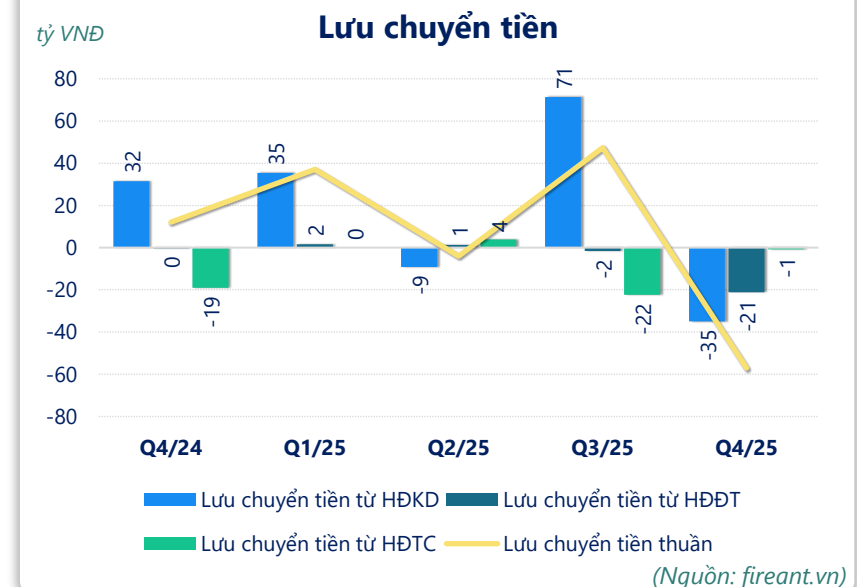
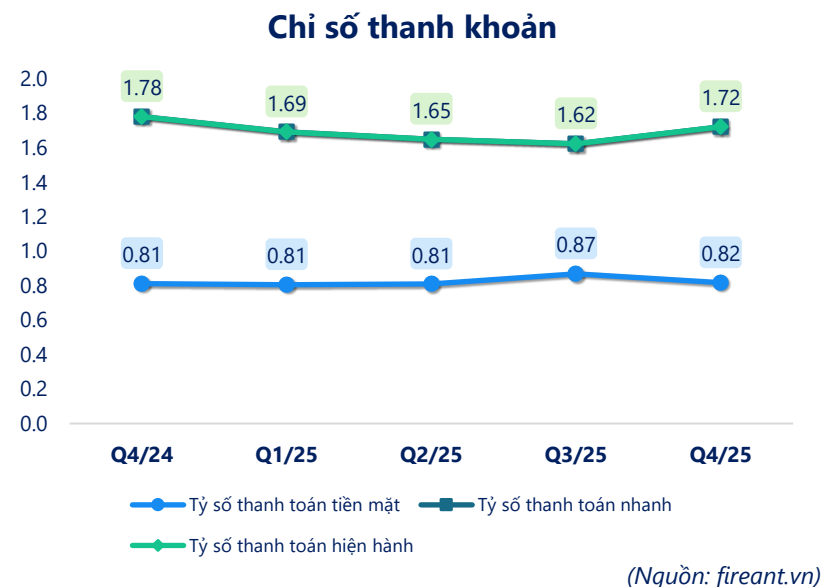
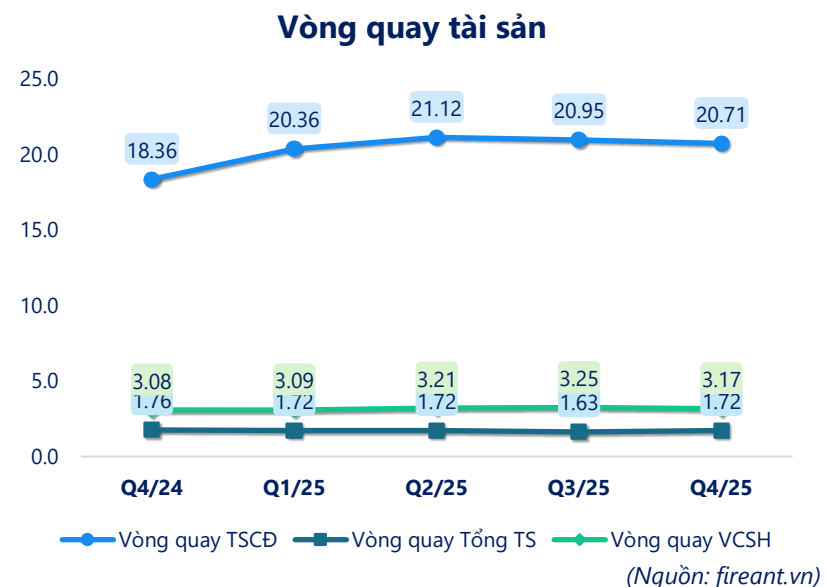
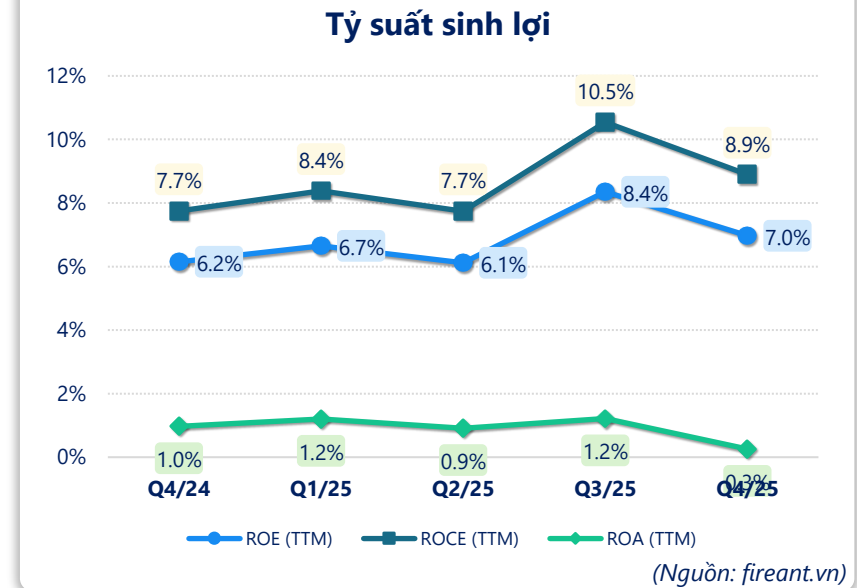
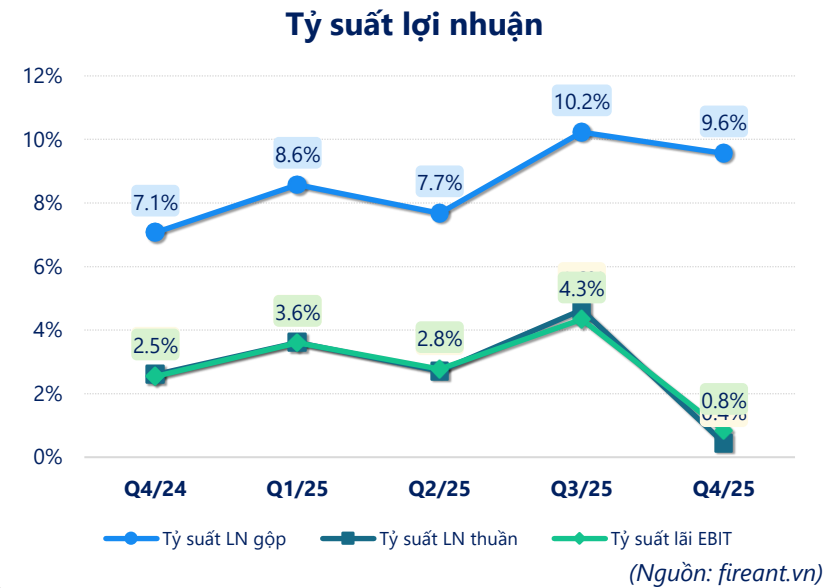
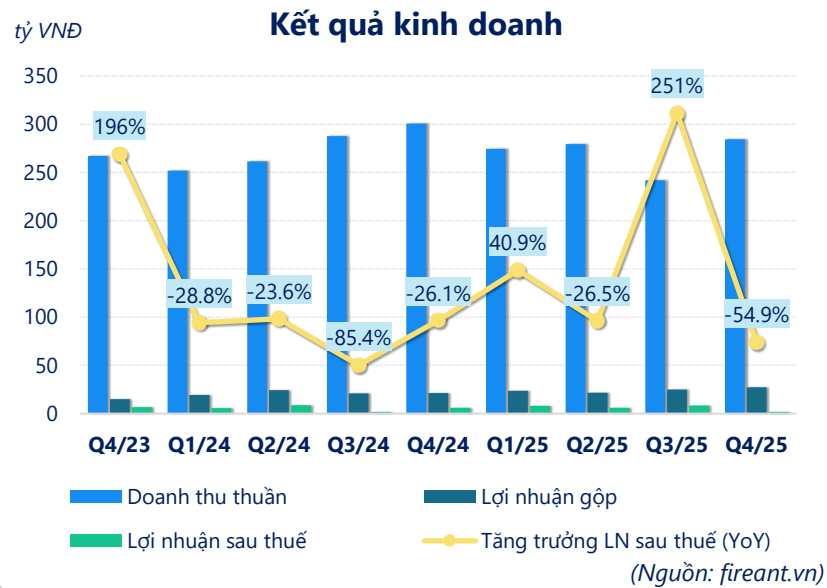


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,528
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,191
SL cổ phiếu LH		14,096,486
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,040
% sở hữu nước ngoài		2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		286
P/E		12.1
EPS		1,685

	YTD	1T	3T	6T
VSA	-5.3%	-1.0%	-1.5%	-6.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	640	617	3.7%
Tài sản ngắn hạn	515	484	6.3%
Tiền và tương đương tiền	244	220	10.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.1	27.8	83.8%
Phải thu ngắn hạn	204	218	-6.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	15.2	18.6	-18.3%
Tài sản dài hạn	126	133	-5.7%
Phải thu dài hạn	2.06	3.87	-46.8%
Tài sản cố định	46.8	57.6	-18.7%
Bất động sản đầu tư	19.4	14.6	32.7%
Tài sản dở dang	0.21	0.36	-40.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.19	3.65	42.4%
Tài sản dài hạn khác	52.0	53.1	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0.02	-100%
Nợ phải trả	301	275	9.7%
Nợ ngắn hạn	299	273	9.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.67	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	92.1	106	-13.0%
Nợ dài hạn	2.32	1.89	22.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	339	343	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	339	343	-1.1%
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	301	274	279	242	284
Giá vốn hàng bán	279	251	258	217	257
Lợi nhuận gộp	21.2	23.5	21.4	24.7	27.2
Doanh thu HĐTC	7.53	3.90	5.59	4.21	6.86
Chi phí TC	2.52	0.51	1.10	0.57	1.55
Chi phí lãi vay	0	0	0.05	0.03	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	18.4	17.0	18.4	17.2	31.2
LN thuần từ HĐKD	7.82	9.90	7.57	11.2	1.27
Lợi nhuận khác	-0.17	-0.02	0.13	-0.75	1.07
LN trước thuế	7.65	9.88	7.70	10.5	2.34
Lợi nhuận sau thuế	6.07	7.88	6.07	8.18	1.62
LNST của CĐ cty mẹ	6.07	7.88	6.07	8.18	1.62

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.5	35.4	-9.20	71.3	-34.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.42	1.64	1.30	-1.58	-21.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.1	0	3.80	-22.4	-0.89
Tiền đầu kỳ	209	220	257	253	300
Lưu chuyển tiền thuần	12.0	37.0	-4.10	47.3	-57.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.52	0.03	0.12	-0.05	0.62
Tiền cuối kỳ	221	257	253	300	244

(Nguồn: fireant.vn)